

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HC-ST

Ngày: 25-5-2021

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo

Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25-5-2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 04/2020/TLST-HC ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1955

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Quế C, sinh năm 1980

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố H, phường B, quận K, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Văn phòng luật sư Tâm Việt, địa chỉ: Số 21A, ngõ 110 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

(Văn bản ủy quyền ngày 15-12-2020).

- Người bị kiện: Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M.

Địa chỉ: Đường C, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh T, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phi H, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M.

(Văn bản ủy quyền số 24/QĐ-CCT ngày 18-01-2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Q.

Địa chỉ: Phố T, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức H1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

Địa chỉ: Đường X, phường B1, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hoàng V, chức vụ: Phó trưởng phòng, phụ trách Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hải L, chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

(Văn bản ủy quyền ngày 29-3-2021).

3. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N.

Địa chỉ: Đường X, phường B1, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Thành M, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Hiền D, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N.

(Văn bản ủy quyền ngày 02-4-2021 và ngày 24-5-2021).

Bà Nguyễn Thị Quế C, ông Trần Phi H, ông Trần Đức H1, bà Trần Thị Hải L, bà Ngô Thị Hiền D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 18-12-2020, bản tự khai ngày 18-01-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (bà Phạm Thị N) là bà Nguyễn Thị Quế C trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N bắt đầu sử dụng một mảnh đất diện tích 123,1m², là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung; địa chỉ hiện tại là: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định từ năm 1981. Nguồn gốc do mua lại 01 ao rau muống của người khác. Năm 1988 gia đình bà N xây dựng nhà trên thửa đất. Thời điểm này gia đình bà N đã bị xử phạt về các hành vi vượt đất trái phép và làm nhà trái phép, có phiếu thu tiền phạt số 61, 74, 82 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Lộc Vượng, thành phố Nam Định. Tháng 11/2004 gia đình bà N đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo hướng dẫn của UBND phường Q. Sau khi nộp hồ sơ, gia đình bà N không nhận được yêu cầu về việc bổ sung giấy tờ, tài liệu nào khác. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà N nộp tại thời điểm tháng 11/2004 cũng đã được xác định là đầy đủ và hợp lệ, thể hiện tại báo cáo số 66 ngày 18-9-2019, báo cáo số 41 ngày 17-6-2020 và báo cáo số 72 ngày 15-12-2020 của UBND phường Q.

Trong thời gian sau này, khi phát sinh việc ông Nguyễn Công H2 chết, năm 2012 gia đình bà N được UBND phường Q hướng dẫn việc làm thủ tục phân chia di sản thừa kế. Gia đình bà N đã thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của UBND phường Q.

Đến ngày 17-7-2019, Chi cục Thuế thành phố N đã ban hành Thông báo nộp tiền 140/TB-CCT về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng số tiền bà N phải nộp là 4.203.000 đồng. Gia đình bà N nộp đầy đủ số tiền trên vào ngày 20-7-2019, có biên lai thu tiền và đã nộp lại biên lai cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N.

Tuy nhiên, đến ngày 13-3-2020 Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M đã ban hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT, nội dung thông báo điều chỉnh số tiền phải nộp của Thông báo số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019. Số tiền bà N phải nộp bị điều chỉnh là 120.290.000 đồng. Bà N không nhất trí với việc điều chỉnh nghĩa vụ tài chính nên không nộp số tiền này, đồng thời làm đơn khiếu nại nhưng Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M vẫn giữ nguyên quan điểm. Vì vậy bà Phạm Thị N đã khởi kiện vụ án hành chính.

Căn cứ để bà Phạm Thị N không đồng ý với Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M cụ thể như sau:

Thứ nhất: Về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà N đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ vào tháng 11/2004, được UBND phường Q xác nhận tại nội dung của nhiều báo cáo.

Thứ hai: Về đơn giá để xác định nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ, quy định như sau:

“2. Trường hợp người sử dụng đất đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp Giấy chứng nhận, xin chuyển mục đích sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 (ngày áp dụng giá đất mới theo quy định tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất - gọi là Nghị định số 188/2004/NĐ-CP) nhưng do cơ quan chức năng chậm làm thủ tục hoặc hướng dẫn lập hồ sơ không đúng quy định, do thay đổi mẫu tờ khai, thay đổi thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà làm cho người sử dụng đất phải nộp lại hoặc nộp bổ sung hồ sơ thì nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của người nộp hồ sơ được xác định tại thời điểm đã nộp hồ sơ.

3. ...

4. Căn cứ vào Sổ tiếp nhận hồ sơ hoặc giấy biên nhận về tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về thời điểm người sử dụng đất nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này và chuyển cho cơ quan thuế để làm căn cứ tính các khoản thu nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất”.

Như vậy, khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Phạm Thị N phải được áp dụng đơn giá thu tiền sử dụng đất theo thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ là năm 2004, với đơn giá 65.000 đồng/m².

Hiện tại, bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M; chấp thuận việc bà Phạm Thị N đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019 của Chi cục Thuế thành phố N; xác định bà Phạm Thị N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Tại Công văn số 47/CCT-TTHT NNT TB-TK ngày 12-01-2021, Công văn số 74/CCT-TTHT NNT TB-TK ngày 18-01-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M) là ông Trần Phi H trình bày:

Căn cứ các báo cáo 66/BC-UBND ngày 18-9-2019, báo cáo số 41/BC-UBND ngày 17-6-2020, báo cáo số 72/BC-UBND ngày 15-12-2020 của UBND

phường Q thì quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N diễn ra như sau:

Ngày 20-11-2004, hộ gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung, diện tích 123,1m², địa chỉ: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trong thời gian chờ được xét duyệt, hộ gia đình bà N có tranh chấp đất đai với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim Oanh nên UBND phường Q dừng làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để giải quyết tranh chấp đất đai. UBND phường Q đã mời hai gia đình lên làm việc nhiều lần, đến năm 2011 thì hai gia đình mới thỏa thuận được về mốc giới đất giữa hai nhà.

Năm 2005 ông Nguyễn Công H2 chết không để lại di chúc. Đến tháng 9/2012 gia đình bà N mới có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, được UBND phường Q chứng thực. Theo thỏa thuận, bà N được sử dụng toàn bộ diện tích đất 123,1m². Ngày 20-12-2016 bà N có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do hồ sơ còn thiếu các thủ tục mà các hộ gia đình phải hoàn thiện nên đến tháng 5/2019 tổ công tác mới họp thẩm định phương án. Đến ngày 12-7-2019 UBND thành phố Nam Định ra quyết định số 3082/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án xử lý đối với các hộ sử dụng đất không hợp pháp và thu nghĩa vụ tài chính khi được công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ bà N. Diện tích đất ở được công nhận là 123,1m², nghĩa vụ tài chính phải thực hiện là 50% tiền sử dụng đất của 123,1m² và lệ phí trước bạ của 123,1m². Tại cột thứ 34 của phương án (thời điểm nộp hồ sơ) ghi: Trước ngày 31-12-2004.

Căn cứ vào phương án đã được phê duyệt, Chi cục Thuế thành phố N đã ra Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019, căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính là bảng giá đất theo Quyết định số 2176/1999/QĐUB ngày 28-12-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, đơn giá đất của gia đình bà N là 65.000 đồng/m². Do vậy bà N phải nộp tiền sử dụng đất là 4.001.000 đồng và lệ phí trước bạ là 202.000 đồng. Tổng cộng 4.203.000 đồng.

Ngày 07-01-2020 Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M nhận được Công văn số 04/TNMT-ĐĐ của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N về việc thực hiện văn bản số 1702/UBND-ĐT ngày 13-12-2019 của UBND thành phố Nam Định về việc chấn chỉnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi kiểm tra lại hồ sơ xác định: Ngày 20-12-2016 bà N mới có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 14-6-2019 bà N đến UBND phường Q làm thủ tục khai tử cho ông Nguyễn Công H2. Như vậy đến ngày 14-6-2019 bà N mới hoàn tất các thủ tục, hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà

N chịu sự điều chỉnh của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 19-11-2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất. Mặt khác tại điểm c khoản 2 Điều 102 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định nghị định này thay thế Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ.

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất quy định như sau:

“2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Tại điểm a,b khoản 1 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-BTC ngày 19-4-2017 của Bộ Tài chính xác nhận hợp nhất các Nghị định về lệ phí trước bạ quy định như sau:

“1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ”.

Tại thời điểm năm 2020, căn cứ Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020 quy định: Giá 1m² đất ở vị trí 4 đường Mạc Thị Bưởi (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Hưng Yên) là 2.000.000 đồng/m².

Căn cứ vào các quy định nêu trên, tiếp thu Công văn số 04/TNMT-ĐĐ về việc thực hiện văn bản số 1702/UBND-ĐT ngày 13-12-2019 của UBND thành phố Nam Định về việc chấn chỉnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N; Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M đã ban hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-

CCT ngày 13-3-2020 đề điều chỉnh, bổ sung Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019. Số tiền sử dụng đất bà N phải nộp là 123.100.000 đồng, số tiền đã nộp là 4.001.000 đồng, số tiền còn phải nộp là 119.099.000 đồng; số tiền lệ phí trước bạ bà N phải nộp là 1.393.000 đồng, số tiền đã nộp là 202.000 đồng, số tiền còn phải nộp là 1.191.000 đồng. Tổng số tiền bà N phải nộp bổ sung sau khi bị điều chỉnh là 120.290.000 đồng.

Hiện tại, Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M đề nghị Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

3. Tại Công văn số 39/UBND ngày 01-4-2021, Công văn số 75/UBND ngày 12-4-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ủy ban nhân dân phường Q) là ông Trần Đức H1 trình bày:

Ngày 20-11-2004 hộ gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung, diện tích 123,1m², địa chỉ: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Kèm theo đơn, gia đình bà N không nộp thêm tài liệu nào khác. Đến tháng 4/2005, sau khi có hướng dẫn của UBND thành phố Nam Định về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà N đã nộp bổ sung các giấy tờ: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, các giấy tờ chứng minh thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình là Phiếu thu phạt số 61 phạt vượt đất trái phép, phiếu thu số 74 theo QĐ 367 phạt vượt đất trái phép, phiếu thu tiền số 82 phạt vi cảnh làm nhà trái phép đều của UBND xã Lộc Vượng, thành phố Nam Định và một giấy biên nhận tiền.

Năm 2005 ông Nguyễn Công H2 chết, UBND phường Q nhận được thông tin này từ gia đình bà N và thẩm tra tại khu dân cư, đồng thời đã yêu cầu hộ gia đình bà N phải bổ sung thủ tục thừa kế trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09-10-2012, gia đình bà N có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, theo đó bà N được toàn quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Việc tranh chấp đất đai của hộ gia đình bà N kéo dài trong thời gian nhiều năm. Cụ thể: Năm 2005 gia đình bà N có tranh chấp về ngõ đi với các hộ liền kề. UBND phường Q đã mời các hộ dân làm việc, yêu cầu phục hồi nguyên trạng. Ngày 10-3-2006 hộ liền kề là bà Oanh có đơn đề nghị về việc hộ bà N không thực hiện theo biên bản năm 2005. Tại Biên bản làm việc ngày 16-10-2006 UBND phường Q đã thông báo do bà N chưa thực hiện theo biên bản năm 2005 mà việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị chậm hoặc nghĩa vụ tài chính thay đổi thì gia đình bà N phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Ngày 10-6-2006 bà N có đơn đề nghị về việc hộ liền kề xây dựng lấn chiếm đất. UBND

phường Q đã nhiều lần mời các hộ dân lên làm việc. Đến ngày 07-01-2011 hai gia đình đã thống nhất được mốc giới giữa hai nhà. Tại Biên bản làm việc ngày 07-01-2011, UBND phường Q đã yêu cầu bà N hoàn thiện thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thời gian sau này, UBND phường Q đã nhiều lần đôn đốc trực tiếp và bằng văn bản về việc yêu cầu gia đình bà Phạm Thị N bổ sung tài liệu của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 20-12-2016 bà N có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm này đang thực hiện Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên UBND phường Q đã đề nghị bà N làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo biểu mẫu mới (biểu số 04a/ĐK) thay thế cho biểu mẫu cũ. Kiểm tra hồ sơ, bà N còn thiếu giấy chứng tử của ông H2 nên UBND phường Q đã có văn bản số 26/TB-UBND ngày 29-12-2016 đôn đốc gia đình bổ sung giấy tờ còn thiếu để hoàn thiện thủ tục. Tháng 4/2019 UBND phường Q họp Hội đồng xét duyệt phương án xử lý các trường hợp vi phạm đất đai. Ngày 08-5-2019 UBND phường Q làm tờ trình gửi các phòng ban thẩm định phương án xử lý các trường hợp sử dụng đất không hợp pháp. Ngày 20-5-2019 Tổ công tác của thành phố Nam Định thẩm định phương án xử lý và phương án nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên tại thời điểm này bà N vẫn chưa bổ sung tài liệu là giấy chứng tử của ông H2. Đến ngày 14-6-2019 bà N mới làm thủ tục khai tử cho ông H2 (trích lục khai tử số 38/TLKT ngày 14-6-2019) và nộp cho UBND phường Q để bổ sung hồ sơ xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy việc hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thiếu tài liệu và chậm được xét duyệt chủ yếu là do lỗi của gia đình bà N.

Hiện tại, Ủy ban nhân dân phường Q đề nghị Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

4. Tại Công văn số 156/TNMT ngày 01-4-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N) là bà Trần Thị Hải L trình bày:

Việc tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N do UBND phường Q thực hiện. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N chỉ nhận được hồ sơ lần đầu vào tháng 5/2019. Ngày 20-5-2019 Tổ công tác của thành phố Nam Định, trong đó có đại diện của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N tổ chức thẩm định phương án xử lý và thu nghĩa vụ tài chính các trường hợp sử dụng đất không hợp pháp của phường Quang Trung, thành phố Nam Định. Khi tiến hành thẩm

định, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà N còn thiếu giấy chứng tử của ông Nguyễn Công H2, thiếu giấy từ chối di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Thắng và bà Đoàn Thị Nội là bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Công H2; thiếu giấy từ chối di sản thừa kế của anh Nguyễn Minh Giang và anh Nguyễn Xuân Thịnh là con đẻ của ông Nguyễn Công H2. Tổ công tác đã yêu cầu bổ sung các tài liệu nêu trên, được ghi trong biên bản cuộc họp ngày 20-5-2019. Như vậy, đến thời điểm ngày 20-5-2019, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà N vẫn chưa đầy đủ.

Ngoài ra, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận và các phiếu thu tiền phạt thì xác định nguồn gốc sử dụng đất của gia đình bà N là do vượt lập trái phép vào năm 1988. Đồng thời Luật Đất đai năm 2003 chưa quy định rõ ràng về việc cấp giấy chứng nhận cho các diện tích đất có nguồn gốc trái phép. Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 thì thửa đất của gia đình của Phạm Thị N thuộc trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy cũng chưa thể xác định được tại thời điểm nộp hồ sơ năm 2004 thì gia đình bà N đã đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện tại, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N đề nghị Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

5. Tại Công văn số 438/BC-CNVPĐK ngày 01-4-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N) là bà Ngô Thị Hiền D trình bày:

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N lần đầu tiên vào ngày 13-5-2019 do UBND phường Q cung cấp. Tại thời điểm này, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà N còn thiếu văn bản từ chối di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Thắng, bà Đoàn Thị Nội, anh Nguyễn Minh Giang, anh Nguyễn Xuân Thịnh và thiếu giấy chứng tử của ông Nguyễn Công H2. Đến ngày 14-9-2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N được UBND phường Q bàn giao hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà N, đã bổ sung đầy đủ các giấy tờ về thừa kế còn thiếu để trình UBND thành phố Nam Định phê duyệt phương án xử lý cùng với 03 hộ dân khác của phường Quang Trung.

Về việc kể từ thời điểm gia đình bà N kết thúc tranh chấp về đất đai cho đến ngày 01-7-2014 nhưng không được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do việc chưa hoàn thiện hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa gia đình bà N với UBND phường Q. Năm 2019 hồ sơ mới

hoàn thiện và được UBND thành phố phê duyệt phương án, vì vậy Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N nhất trí với việc Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M ra văn bản thông báo điều chỉnh số thuế phải nộp của gia đình bà N; đề nghị Tòa án không chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về yêu cầu của người khởi kiện:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ; Điều 3 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

- Buộc Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M phải nộp toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về khiếu kiện hành chính được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M; chấp thuận việc bà Phạm Thị N đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019 của Chi cục Thuế thành phố N; xác định bà Phạm Thị N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Hội đồng xét xử thấy rằng đối tượng khởi kiện trong vụ án là các thông báo nộp tiền của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M, là quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước, ban hành nhằm buộc bà Phạm Thị N thực hiện nghĩa vụ tài

chính khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy khiếu kiện được giải quyết trong vụ án được xác định là khiếu kiện quyết định hành chính.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Đối tượng khởi kiện trong vụ án là quyết định hành chính Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M, là quyết định của cơ quan hành chính cấp huyện. Sau khi nhận được Thông báo này, bà Phạm Thị N đã khiếu nại và Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M đã có Công văn số 2420/CCT-TTHT NNT TB-TK ngày 10-11-2020 xác định việc phát hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy bà Phạm Thị N đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính; đồng thời trong đơn khởi kiện, bà Phạm Thị N cam đoan chỉ lựa chọn Tòa án giải quyết vụ việc, không đồng thời khiếu nại quyết định hành chính đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính thì khiếu kiện của bà Phạm Thị N đối với Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M đã ban hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT vào ngày 13-3-2020. Bà Phạm Thị N làm đơn khởi kiện vụ án hành chính và được Tòa án thụ lý ngày 18-12-2020. Căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì bà Phạm Thị N đã khởi kiện vụ án hành chính khi còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

2.1. Về hình thức, thẩm quyền ban hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020:

Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 là thông báo nộp tiền do Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M ban hành bằng văn bản đối với bà Phạm Thị N. Xét thấy việc ban hành thông báo này để yêu cầu bà Phạm Thị N thực hiện nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là hoạt động của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý trong lĩnh vực lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi nhiệm vụ của cơ quan thuế quản lý thu trên địa bàn thành phố Nam Định theo Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14-01-2019 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Thuế cấp huyện. Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 do ông Trần Phi H, chức vụ: Phó Chi cục trưởng ký thay Chi cục trưởng. Như vậy Thông báo nộp

tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 đã được ban hành đúng thẩm quyền, người ký thông báo có thẩm quyền ký văn bản.

2.2. Về nội dung Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020:

2.2.1. Về điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung, diện tích 123,1m², địa chỉ: Đường M, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định do ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N sử dụng và xây dựng nhà ở khoảng từ năm 1988, nguồn gốc đất do vượt lập đất trái phép đã bị xử phạt hành chính. Tuy nhiên phần đất vượt lập trái phép của gia đình bà Phạm Thị N không rõ diện tích cụ thể, cũng không bị cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ra quyết định thu hồi; tại thời điểm năm 2004 toàn bộ diện tích 123,1m² đều là đất không có tranh chấp, nằm giữa khu vực khu dân cư, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt tại tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung xác định khu vực là đất ở, không phải là đất do bất cứ cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị kinh tế nào quản lý. Ngày 20-11-2004 gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N đã nộp đơn đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm d khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ thì toàn bộ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 phường Quang Trung, diện tích 123,1m² có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, theo Hướng dẫn số 256/HD-QT.CGCN ngày 19-4-2005 của UBND thành phố Nam Định, tại tiểu mục II mục A quy định về trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất đối với những trường hợp sử dụng đất chưa hợp pháp thì thửa đất của gia đình nhà bà Phạm Thị N là nằm trong hạn mức đất ở đô thị, đủ điều kiện để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2.2. Về thời điểm nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các báo cáo số 66/BC-UBND ngày 18-9-2019, số 41/BC-UBND ngày 17-6-2020 và số 72/BC-UBND ngày 15-12-2020 của UBND phường Q, là cơ quan trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của gia đình bà Phạm Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở để xác định các thời điểm nộp hồ sơ của gia đình bà Phạm Thị N như sau:

Ngày 20-11-2004, gia đình bà Phạm Thị N đã nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND phường Q. Hồ sơ gồm có: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N; hộ khẩu gia đình; chứng minh nhân dân; phiếu thu tiền số 61 ngày 10-6-1988; phiếu thu tiền số 74 ngày 10-8-1988; phiếu thu tiền số 82 ngày 31-8-1988 đều của UBND xã

Lộc Vượng, thành phố Nam Định và 01 giấy biên nhận tiền ngày 15-8-1988. Ngoài ra, các cơ quan có chức năng liên quan đến việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác lập các tài liệu là: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 11-5-2003, có chữ ký của các hộ liên kề và chữ ký, con dấu xác nhận của UBND phường Q; hồ sơ kỹ thuật thửa đất được UBND phường Q xác nhận ngày 25-10-2004. Căn cứ Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ thì tại thời điểm nộp hồ sơ là ngày 20-11-2004, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N là đầy đủ và hợp lệ. Việc đại diện UBND phường Q cho rằng hồ sơ không nộp đầy đủ một lần vào ngày 20-11-2004 mà nộp làm nhiều lần, nhưng không có sổ theo dõi và biên bản tiếp nhận hồ sơ để xác định từng lần nộp tài liệu là không có căn cứ chấp nhận.

Thời gian sau này, trong khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có nhiều sự kiện phát sinh dẫn tới việc cần phải bổ sung tài liệu trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể là ngày 05-6-2005 ông Nguyễn Công H2 chết, từ thời điểm này, bà Phạm Thị N cần phải làm lại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và bổ sung các tài liệu là giấy chứng tử của ông Nguyễn Công H2, các tài liệu liên quan đến thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công H2; trong giai đoạn từ ngày 10-6-2006 đến ngày 07-01-2011, gia đình bà Phạm Thị N có xảy ra tranh chấp mốc giới với các hộ liên kề nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Do nguyên nhân cả từ phía gia đình bà Phạm Thị N và các cơ quan Nhà nước, việc bổ sung tài liệu trong hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất được bổ sung rất nhiều lần, hồ sơ chỉ được hoàn thiện vào ngày 14-6-2019 (ngày đăng ký khai tử cho ông Nguyễn Công H2).

2.2.3. Về trách nhiệm của các cơ quan tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ:

Căn cứ vào nhận định tại mục 2.2.2 về việc gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N đã nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất đầy đủ và hợp lệ vào ngày 20-11-2004; vì vậy theo quy định của khoản 2 Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 và điểm a khoản 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ thì thời hạn xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính là 50 ngày, kể từ ngày 20-11-2004. Việc sau ngày 09-01-2005 Chi cục Thuế thành phố N vẫn chưa nhận được hồ sơ để xác định nghĩa vụ tài chính của gia đình ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N là hoàn toàn do lỗi của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ ngày 05-6-2005 là ngày ông Nguyễn Công H2 chết, cho đến ngày 10-6-2006 là ngày phát sinh các tranh chấp về đất của gia đình bà Phạm Thị N.

Trong giai đoạn này, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N cần bổ sung các tài liệu như đã nhận định tại mục 2.2.2. Do UBND phường Q là cơ quan trực tiếp tiếp nhận và quản lý hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của gia đình bà Phạm Thị N nên UBND phường Q phải ban hành văn bản, hoặc lập biên bản trực tiếp yêu cầu bổ sung hồ sơ. Trường hợp UBND phường Q đã thực hiện việc yêu cầu bổ sung tài liệu đúng quy định, hết thời hạn bổ sung tài liệu mà bà Phạm Thị N không cung cấp được tài liệu theo yêu cầu thì phải gửi hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N thẩm định hồ sơ và ra thông báo trả lại hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị N vì không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ ngày 05-6-2005 đến ngày 10-6-2006, UBND phường Q không thực hiện việc yêu cầu bổ sung tài liệu đúng quy định, không gửi hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N thẩm định và cũng không ra thông báo trả lại hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị N.

Từ ngày 07-01-2011, các tranh chấp về đất của gia đình bà Phạm Thị N đã được giải quyết xong. Vì vậy gia đình bà Phạm Thị N lại tiếp tục có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4,5 Điều 14 và điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ. Tính từ thời điểm này cho đến ngày 01-7-2014 (là ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực), UBND phường Q chỉ nêu trong biên bản làm việc ngày 07-01-2011 “Đề nghị bà N sớm hoàn thiện thủ tục để được cấp giấy CNQSDĐ”, mà không nêu rõ cần hoàn thiện thủ tục gì, cần nộp tài liệu gì và thời hạn thực hiện trong bao lâu là không đảm bảo quy định của việc hướng dẫn bổ sung hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng trong giai đoạn này, vào ngày 09-11-2012 UBND phường Q đã chứng thực thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của gia đình bà Phạm Thị N nhưng trước đó không làm thủ tục khai tử cho ông Nguyễn Công H2, cũng không yêu cầu bà Phạm Thị N bổ sung các tài liệu liên quan đến thỏa thuận phân chia thừa kế là nhà đất vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc đại diện UBND phường Q trình bày năm 2012 có yêu cầu gia đình bà Phạm Thị N làm thủ tục yêu cầu khai tử cho ông Nguyễn Công H2 và nộp bổ sung các tài liệu liên quan đến thừa kế vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà Phạm Thị N không chấp hành, Hội đồng xét xử thấy rằng không có biên bản hoặc thông báo nào của UBND phường Q ghi nhận về yêu cầu gia đình bà Phạm Thị N phải bổ sung những tài liệu cụ thể này trong thời điểm từ ngày 09-11-2012 đến ngày 29-12-2016; cũng không có căn cứ về việc Thông báo số 26/TB-UBND ngày 29-12-2016 của UBND phường Q đã được giao hợp lệ cho gia đình bà Phạm Thị N; ngoài ra bản thân gia đình bà Phạm Thị N cũng không có động cơ hoặc lý do nào để chống đối việc hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy không có căn cứ để xác định trong

khoảng thời gian từ ngày 09-11-2012 đến ngày 29-12-2016, UBND phường Q đã thực hiện đúng quy định trong việc hướng dẫn, yêu cầu gia đình bà Phạm Thị N nộp bổ sung các tài liệu để hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những vấn đề nêu trên dẫn đến việc hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N phải bổ sung tài liệu nhiều lần, đến ngày 14-6-2019 mới hoàn thiện hồ sơ.

2.2.4. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Phạm Thị N:

Căn cứ vào nhận định tại các mục 2.2.2 và 2.2.3 đã xác định kể từ ngày 20-11-2004 đến ngày 05-6-2005, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công H2 và bà Phạm Thị N là hợp lệ, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên tại thời điểm này, Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất lần, chiếm đất của đơn vị kinh tế trước ngày 15-10-1993, nhưng hiện tại việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

Trong giai đoạn từ ngày 07-01-2011 đến ngày 01-7-2014, nếu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình bà Phạm Thị N phải thực hiện nghĩa vụ tài chính bao gồm: nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 4; khoản 4, khoản 5 Điều 14 và điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ. Tiền sử dụng đất được tính theo giá bằng 50% giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 20-11-2004. Tại thời điểm tháng 11/2004, căn cứ Quyết định số 2176/1999/QĐUB ngày 28-12-1999 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành tạm thời giá tối thiểu đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Nam Định (thực hiện từ ngày 15-01-2000 đến ngày 18-3-2005), diện tích 123,1m² đất của gia đình bà Phạm Thị N có đơn giá 65.000 đồng/m². Tiền sử dụng đất gia đình bà Phạm Thị N phải nộp là 123,1m² x 65.000 đồng/m² x 50% = 4.001.000 đồng.

Tuy nhiên, chủ yếu do lỗi của các cơ quan có chức năng liên quan đến việc xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà Phạm Thị N đã không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong các giai đoạn nêu trên. Vì vậy bà Phạm Thị N không phải chịu trách nhiệm về việc thay đổi nghĩa vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thời hạn. Việc Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M căn cứ quy định của Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014, khoản 2 Điều 6 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và

Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 30-12-2014 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Bảng giá đất tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020 để ban hành Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020, buộc bà Phạm Thị N nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo giá đất năm 2019, đơn giá 2.000.000 đồng/m² là không đúng quy định của pháp luật.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N:

Căn cứ các nhận định tại mục 2.2 về việc bà Phạm Thị N đã nộp đủ hồ sơ hợp lệ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20-11-2004; việc gia đình bà Phạm Thị N đã không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003 chủ yếu do lỗi của các cơ quan có chức năng; và nhận định việc bà Phạm Thị N chỉ phải nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo bảng giá đất tỉnh Nam Định giai đoạn 2000-2005, đơn giá 65.000 đồng/m², Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N. Cụ thể: Hủy toàn bộ Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M; xác định việc bà Phạm Thị N đã thực hiện nộp tiền theo Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019 của Chi cục Thuế thành phố N là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019 của Chi cục Thuế thành phố N do bà Phạm Thị N đã tự nguyện nộp đủ số tiền theo thông báo, hiện tại không có khiếu kiện gì đối với Thông báo này. Vì vậy đây không phải là quyết định hành chính bị khiếu kiện trong vụ án, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong vụ án được chấp nhận nên người khởi kiện là bà Phạm Thị N không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện là Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M phải nộp toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ;

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ;

- Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 4; khoản 4, khoản 5 Điều 14 và điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ;

- Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

Hủy toàn bộ Thông báo nộp tiền số 21/TB-CCT ngày 13-3-2020 của Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M.

Xác định việc bà Phạm Thị N đã thực hiện nộp tiền theo Thông báo nộp tiền số 140/TB-CCT ngày 17-7-2019 của Chi cục Thuế thành phố N là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Án phí:

Bà Phạm Thị N không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị Quế C, Chi cục Thuế khu vực thành phố N-M và ông Trần Phi H, Ủy ban nhân dân phường Q, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N và bà Trần Thị Hải L, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố N và bà Ngô Thị Hiền D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tuấn